

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày: 03-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thới

Bà Phạm Thị Lập

Bà Kiều Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lâm Văn S, sinh năm 1978, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn S1, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1939 (đã chết); Có 07 anh, chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1986; Có vợ tên Mai Thị Ph, sinh năm 1977 (đã chết) và có 01 người con, sinh năm 1999; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 13/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tuyên phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, tại Bản án số 05/2011/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt chính, nộp 200.000 đồng án phí theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 27/GXN-THADS ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An (Biên lai nộp tiền số 0004735 ngày 08/6/2021); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Thị L, Văn phòng luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị hại:* Nguyễn Trí Th, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Diệp Thị Diệu H, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Lâm Thành T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Lâm Văn S nhận bao tiêu làm nếp Long An giống 4625 của Nguyễn Trí Th, sinh năm 1980, đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo đó căn cứ vào diện tích đất trồng nếp mà S nhận, Th sẽ đặt cọc trước một số tiền, cung cấp nếp giống để S trực tiếp canh tác nếp, đến khi thu hoạch Th sẽ mua nếp theo giá bao tiêu, trừ đi các chi phí giống và cọc đã ứng trước cho S.

Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên trước khi thanh toán hợp đồng vụ hè thu năm 2020 với Th, S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bao tiêu nếp của Th nên S đưa ra đề nghị thỏa thuận sẽ nhận bao tiêu nếp nêu trên vào vụ thu đông năm 2020, giá bao tiêu là 7.000.000 đồng/01 hecta. Do làm ăn trước đây nên Th tin tưởng đồng ý với đề nghị trên và ký 02 hợp đồng bao tiêu nếp cọc tiền, cung cấp nếp giống cho S và bị S chiếm đoạt 1.470.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết, cụ thể:

Khi đồng ý với đề nghị của S, Th giao cho S số tiền 320.000.000 đồng với mục đích đặt cọc Hợp đồng bao tiêu vào vụ thu đông 2020, để S làm chi phí cọc thuê đất canh tác. Sau khi nhận tiền, S thông báo với Th là S đã thuê được diện tích bao tiêu là 210 hecta, với mục đích để Th giao giống nếp cho S nhưng thực tế S không thuê đất của ai cả. Ngày 16, 17/6/2020, (nhằm ngày 25, 26/4/2020 âm lịch) Th giao 32,26 tấn nếp giống (đơn giá thỏa thuận là 14.000 đồng/kg) cho S tại kênh Tr (cầu H) thuộc địa bàn khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau đó khoảng 5-7 ngày, S bán 32,26 tấn nếp giống này cho một người mà S không biết tên và địa chỉ, với giá 10.500 đồng/kg, thu được số tiền 338.730.000 đồng. Sau khi bán nếp giống xong, để tiếp tục chiếm đoạt tiền, S trực tiếp dẫn Th đến khu vực đất sản xuất nông nghiệp cặp đường lộ cặp kênh C thuộc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An và nói dối với Th là S đã bao tiêu diện tích đất này của người dân để trồng nếp. Tin là S nói thật nên Th đồng ý ký Hợp đồng bao tiêu nếp với S như sau:

Hợp đồng 1: Ngày 30/6/2020 (nhằm ngày 10/5/2020 âm lịch), tại quán giải khát thuộc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, S và Th ký kết Hợp đồng bao tiêu nếp với diện tích 115 hecta, với số tiền là 805.000.000 đồng, gồm các khoản: 200.000.000 đồng trừ vào số tiền 320.000.000 đồng đặt cọc; 241.640.000 đồng trừ vào tiền nếp giống của 17.260kg trong 32.260kg nếp giống và Th đưa thêm cho S số tiền 363.360.000 đồng.

Hợp đồng 2: Ngày 22/7/2020 (nhằm ngày 02/6/2020 âm lịch) S nói với Th đã thuê thêm được đất canh tác tại vị trí gần vị trí đất mà S đã dẫn Th đi xem nên tại nhà S thuộc khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, S và Th tiếp tục ký kết Hợp đồng bao tiêu nếp diện tích 95 hecta, với số tiền là 665.000.000 đồng gồm: 120.000.000 đồng trừ vào số tiền 320.000.000 đồng đặt cọc; 210.000.000 đồng trừ vào tiền mua 15.000kg nếp giống trong 32.260 kg nếp giống; còn lại 335.000.000 đồng, trừ 15.000.000 đồng mà S đã mượn trước đó nên Th đưa thêm cho S số tiền mặt là 320.000.000 đồng. Lần này, Th có yêu cầu vợ của S là bà Mai Thị Ph, sinh năm 1977 ký vào hợp đồng vào vị trí ghi người chứng kiến.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập Biên bản ngày 14/01/2021 để Lâm Văn S và Nguyễn Trí Th xác định địa điểm sản xuất nêu trong hợp đồng bao tiêu ngày 10/5/2020 âm lịch. Kết quả: vị trí khu đất ruộng từ hàng bạch đàn nhà ông Võ Văn E, sinh năm 1971, ngụ ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (cặp ranh đất ruộng nhà ông Võ Văn U) chạy dài dọc theo kênh C hướng đến Ủy ban nhân dân xã V đến ranh đất có hai cây bạch đàn cao là bờ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bé E, ngụ cùng ấp C.

Tại Công văn số 1183/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 26/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì phần đất canh tác nêu trong hợp đồng bao tiêu ngày 10/5/2020 âm lịch, đã được xác định ngày 14/01/2021 được đăng ký quyền sử dụng cho 16 cá nhân với tổng diện tích 203,410 hecta. Quá trình điều tra, các cá nhân này không biết Lâm Văn S và không nhận bao tiêu từ Lâm Văn S.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu chữ ký và chữ viết mang tên Lâm Văn S trong 02 Hợp đồng bao tiêu nếp 4625, lập ngày 10/5 âm lịch/2020 và ngày 02/6 âm lịch/2020.

Tại kết luận giám định số 739/2021/KLGĐ ngày 07/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Chữ ký và chữ viết “Lâm Văn S” bằng bút mực màu xanh, ở mục “Bên nhận bao tiêu” trên tờ “Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625” (ký hiệu A1); chữ ký và chữ viết “Lâm Văn S” bằng bút bíc màu xanh, ở mục “Bên nhận bao tiêu” trên tờ “Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625” (ký hiệu A2) với: Chữ ký bằng bút bíc màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” và ở giữa trang 2 và trang 3, chữ ký và chữ viết “Lâm Văn S” bằng bút bíc màu xanh ở mục “Người khai” trên tờ “Biên bản ghi lời khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1); chữ ký và chữ viết “Lâm Văn S” bằng bút bíc màu xanh, ở bên dưới của tờ tường trình (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2) là do cùng một người ký và viết ra.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Thu giữ của Nguyễn Trí Th 01 Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 bản chính, lập ngày 10/5/2020, người bao tiêu: Nguyễn Trí Th, người nhận bao tiêu Lâm Văn S, số tiền đưa trước 805.000.000 đồng, bên nhận bao tiêu có diện tích đất 115 mẫu; Hợp đồng bằng tờ giấy A4 mẫu in sẵn bằng mực màu đen, có chèn chữ viết tay màu xanh, phía dưới bên nhận bao tiêu chữ ký và chữ viết tay “Lâm Văn S”, phía dưới người chứng kiến có chữ viết “H, Diệp Thị Diệu H”, mặt sau tờ hợp đồng không có chữ viết (giấy trắng) và 01 hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 bản chính, lập ngày 02/6/2020, người bao tiêu Nguyễn Trí Th, người nhận bao tiêu Lâm Văn S, số tiền đưa trước 665.000.000 đồng, bên nhận bao tiêu có diện tích đất 950 mẫu, địa chỉ đất sản xuất tọa lạc T; Hợp đồng bằng tờ giấy khổ A4 đã in sẵn theo mẫu bằng mực in màu đen, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, phía dưới bên nhận bao tiêu có chữ ký và chữ viết tay “Lâm Văn S”, chứng kiến “Mai Thị Ph” (chữ viết tay bằng mực màu xanh), mặt sau tờ hợp đồng không có chữ viết (giấy trắng). Hai hợp đồng này đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Trí Th yêu cầu Lâm Văn S trả lại 1.680.000.000 đồng bao gồm 1.470.000.000 đồng tiền bao tiêu, 210.000.000 đồng chi phí phát sinh và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng đối với số tiền 1.680.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2020, khấu trừ 70.000.000 đồng đã nhận vào ngày 18/01/2023, còn 1.610.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSLA-P2 ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố Lâm Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Lâm Văn S thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Trí Th xác định đã bị bị cáo S chiếm đoạt tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng. Nay bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 1.270.000.000 đồng, khấu trừ 70.000.000 đồng đã nhận vào ngày 18/01/2023, còn 1.200.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thành T xác định ông T là em ruột của bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên ông T đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng, nay ông T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Diệp Thị Diệu H xác định bà là vợ của bị hại Nguyễn Trí Th, bà H thống nhất theo lời trình bày của bị hại Nguyễn Trí Th, bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Lâm Văn S có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Văn S từ 13 năm đến 15 năm tù.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại ông Nguyễn Trí Th số tiền 1.200.000.000 đồng.

Đối với việc bà Mai Thị Ph có ký vào phần “Người chứng kiến” trên Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 vào ngày 22/7/2020, nhưng bà Ph không biết việc S lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Trí Th thông qua hợp đồng này, không biết và không sử dụng số tiền S chiếm đoạt của Th, hiện nay, bà Mai Thị Ph đã chết. Do đó không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Mai Thị Ph.

Do không xác định được thông tin của người mua nếp giống Long An 4625 mà Lâm Văn S đã bán nên không có căn cứ xem xét có tội phạm khác trong cùng vụ án này.

Luật sư Nguyễn Thị L bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Luật sư đồng tình với các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Tuy nhiên, do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, đồng thời thông qua mối quan hệ kinh doanh bằng hình thức nhận bao tiêu sản xuất nếp từ năm 2018 với ông Nguyễn Trí Th nên sau khi gần hết vụ sản xuất hè thu năm 2020, Lâm Văn S đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền của ông Th. Vì vậy, bị cáo S liên hệ ông Th nhận bao tiêu sản xuất nếp Long An giống 4625 vụ thu đông năm 2020 rồi dẫn ông Th đi xem đất sản xuất của người khác tại xã V, huyện T, tỉnh Long An và nói dối là S đã thuê với diện tích 210 hecta để nhận bao tiêu sản xuất nếp với ông Th. Do tin tưởng, ông Th đã ký kết với Lâm Văn S 02 hợp đồng bao tiêu vụ lúa thu đông ngày 30/6 và 22/7/2020 (nhằm ngày 10/5 và 02/6/2020 âm lịch) và thông qua 02 hợp đồng S đã chiếm đoạt của ông Th tổng cộng số tiền 1.470.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Trí Th số tiền 1.470.000.000 đồng là chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin là thật nên giao tiền cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của bị hại là do công sức lao động làm ra, được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo bất chấp pháp luật dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó cần xử lý bị cáo

bằng một hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa do bị cáo mới thi hành nghĩa vụ nộp án phí dân sự năm 2021 (Biên lai nộp tiền số 0004735 ngày 08/6/2021) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo chiếm đoạt thông qua 02 hợp đồng bao tiêu sản xuất cho cùng đợt bao tiêu vụ lúa thu đông để chiếm đoạt số tiền của bị hại Th nên không phải là tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt đã truy tố.

[5] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Trí Th cho rằng do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên chỉ yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 1.270.000.000 đồng, khấu trừ 70.000.000 đồng đã nhận vào ngày 18/01/2023, yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 1.200.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo như yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa bị cáo và bị hại.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 bản chính, lập ngày 10/5/2020, người bao tiêu: Nguyễn Trí Th, người nhận bao tiêu Lâm Văn S và 01 hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 bản chính, lập ngày 02/6/2020, người bao tiêu Nguyễn Trí Th, người nhận bao tiêu Lâm Văn S, xét thấy đây là chứng cứ của vụ án, quá trình điều tra đã thu giữ và đánh số bút lục để lưu vào hồ sơ vụ án là có căn cứ.

[8] Đối với việc bà Mai Thị Ph có ký vào phần “Người chứng kiến” trên Hợp đồng bao tiêu nếp Long An 4625 vào ngày 22/7/2020, nhưng bà Ph không biết việc S lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Trí Th thông qua hợp đồng này, không biết và không sử dụng số tiền S chiếm đoạt của Th, hiện nay, bà Mai Thị Ph đã chết. Do đó không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Mai Thị Ph.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lâm Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lâm Văn S 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2022.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lâm Văn S 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 579, 580, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, bị cáo Lâm Văn S có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Trí Th số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lâm Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh